

Trời Cao Đất Dày

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Từ mùa xuân 1978, các bạn trong sở tôi thường lo lắng bàn bạc các vấn đề kinh tế và chính trị đương thời: lạm phát *phi mã*, nhân công thất nghiệp trầm trọng, năng lượng khan hiếm, và chính phủ Hoa kỳ yếu kém về đối nội cũng như đối ngoại. Sang mùa hè, nạn khủng hoảng năng lượng trở nên không chịu được: Không những giá xăng tăng vùn vụt mà xăng dầu khan hiếm, các tiểu bang ra lệnh hạn chế lượng xăng mỗi người lái xe hơi có thể đổ. Một buổi sáng cuối mùa hè, tôi xuống câu lạc bộ ở lầu hai nghỉ giải lao và nghe bạn không tiếc lời đả kích vị tổng thống đương nhiệm thiếu khả năng lèo lái quốc gia như thường lệ. Từ bàn bên, anh bạn đồng sự cũ Gary ở sở Truyền Điện bước sang đặt tay lên vai tôi,

“Ba Hoa, anh có lấy *Bismarck Tribune* dài hạn không?” *Bismarck Tribune* là báo hàng ngày phát hành vào buổi sáng và giao tận nhà cho độc giả mua dài hạn.

“Có chứ. Hồi sáng tôi ra ngoài lấy báo đem vào nhà, nhưng chưa có thì giờ đọc. Hôm nay có tin tức gì lạ không?” tôi hỏi, hơi ngạc nhiên.

“Barb vợ tôi dậy sớm đọc báo, thấy bài báo có thể anh muốn đọc, và cắt ra biểu tôi đưa cho anh,” Gary chìa ra cái bìa giấy gấp màu va-ni.

Về bàn giấy tôi mở bìa giấy gấp lấy bài báo ra và thấy ngay hình chụp một cô bé chừng tám, chín tuổi đứng ngơ ngác trên bãi biển một hoang đảo nào đó ở Thái bình dương, em vừa được chiếc tàu buôn Na Uy tình cờ đi qua cứu ra. Người ta đoán em là người Việt nam, tên Chi hay Lan, nhưng tôi nghĩ tên ghép Chi Lan thì đúng hơn. Hình như Chi Lan theo gia đình dùng ghe nhỏ ra khỏi Việt nam, ghe lạc đường trôi giạt trên biển cả rồi bị đắm, và trong khi mọi người khác đều chết chìm mất xác, em được sóng biển đánh tấp lên đảo. Ăn sống nghêu sò trên bãi và uống nước của con suối gần đó để sống, em hầu như mất trí, không nhớ tên họ cha mẹ, và không biết đã sống trên đảo bao lâu.

Tôi ngậm ngùi xót xa với thảm cảnh đồng bào mình liều mình bỏ nước ra đi bằng đường biển sau ngày Việt Cộng chiếm miền Nam. Suốt hơn ba năm qua, chúng đã dờ dặt mọi trò dã man để cướp bóc và đày đọa dân chúng. Bắt đổi tiền Việt nam Cộng hòa lấy tiền mới; mỗi gia đình chỉ được đổi một số tiền nhỏ, còn lại bao nhiêu kể như mất bỏ. “Đánh tư sản mại bản,” tức là tra khảo, hành hạ, và tịch thu tài sản những người chúng cho là giàu có. Lùa trên một triệu cựu quân nhân và công chức vào trại tù “cải tạo.” Ép hàng triệu người dân đi về vùng “kinh tế mới” đèo heo hút gió không có phương kế sanh nhai ngoài câu khẩu hiệu “*Với sức người sỏi đá cũng thành cơm.*” Sống lầm than trong cái nhà tù khổng lồ, những ai khả dĩ còn chút khả năng tài chánh không thể không tìm cách “vượt biên” (chữ mới sau năm 1975) theo chân hơn 140,000 đồng bào di tản năm 1975 hiện sống tự do và sung túc ở các nước tây phương.

Úc ghi nhận chiếc tàu đầu tiên đến Úc ngày 26 tháng Tư năm 1976. Tháng Bảy, Hà nội không còn ngần ngại lộ rõ bộ mặt thật là kẻ xâm lăng miền Nam, dẹp bỏ tấn tuồng chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam, và công bố “thống nhất nước nhà về mặt nhà nước.” Màn “thống nhất” này khiến dân chúng miền Nam càng hoảng sợ và đẩy mạnh làn sóng *vượt biên*

lên cao. Cuối năm 1977, có trên 15,000 người Việt sang tỵ nạn tại các nước Đông nam Á – Mã Lai Á, Thái Lan, Phi Luật Tân, Tân Gia Ba, Nam Dương, và Hương Cảng; báo chí thế giới gọi họ là “boat people,” hay “thuyền nhân.”

Sau cuộc hành trình hải hùng trên đại dương, *thuyền nhân* đến được bờ tự do kể cho thế giới nghe kinh nghiệm đau thương ghê rợn họ trải qua. Thí dụ như chuyện cha mẹ chia nhau những mảnh thức ăn vụn rơi rớt từ miệng mấy đứa con và chia nhau từng giọt nước vắt từ tấm vải hứng nước mưa để đánh lừa cơn đói. Hay chuyện người sống ăn thịt người chết để tiếp tục sống còn và hy vọng được cứu vớt. Hay chuyện hải tặc Thái Lan và Mã Lai Á lên thuyền cướp giật, hãm hiếp phụ nữ, và bắt cóc đàn bà trẻ em mang đi. Đó là chưa kể chuyện thuyền cũ nát, máy hư, đi lạc đường, hay bị phong ba bão táp đe dọa. Không ai biết bao nhiêu người đã vùi thân dưới đáy biển.

Đến năm 1978, số người ra đi gia tăng gấp bội khi Việt Cộng bắt thanh thiếu niên từ 17 tuổi trở lên đi “nghĩa vụ quân sự,” huấn luyện sơ sài, và gửi sang chiến trường Cam Bốt, và sau đó tranh chấp biên giới đánh nhau dữ dội với Trung Cộng. Vào cuối năm, có trên 62,000 *thuyền nhân* tại các nước Đông nam Á. Làn sóng tỵ nạn ào ạt khiến các nước trong vùng tuyên bố không nhận thêm người tỵ nạn Việt nam và xua đuổi những đợt đến sau.



Hôm ấy là ngày Chủ Nhật đầu tiên của tháng Mười Hai. Buổi sáng, tôi thung dung nhằm nhai tách cà-phê và đọc *Bismarck Tribune*, số báo Chủ Nhật dày gần sáu chục trang, và khi đến trang 8 thất kinh la lớn vì bản tin và tấm hình do thông tấn xã Associated Press (AP) gửi đi từ thủ đô Mã Lai Á,

KUALA LUMPUR. Malaysia. Dec. 2 (AP) — Hôm nay, một chiếc thuyền chở đầy ắp người tỵ nạn Việt nam chìm trong cơn biển động sau khi chính quyền Mã Lai Á từ chối không cho họ lên bờ, và có đến 143 người chết đuối, cảnh sát cho biết. Tai họa này đã tăng số người chết như thế trong hai ngày nay lên đến 330 người.

Tấm hình chụp chiếc thuyền đang chìm ngoài khơi cho thấy những kẻ khốn cùng đang tuyệt vọng chống chọi với tử thần. Trong tuần lễ gần đây, khi thuyền chở người tỵ nạn Việt nam (không phải người Việt gốc Hoa) đến bờ, cảnh sát và dân chài Mã Lai Á xúm lại kéo thuyền ra hải phận quốc tế đuổi đi, họ sống chết ra sao không cần biết. Thương quá đồng bào tôi!

Tôi khóc thầm suốt cả ngày. Tối hôm ấy chúng tôi có khách đến dùng cơm tối là vợ chồng bà Jane trong họ đạo nhà thờ Ba ngôi Lutheran; bà là bạn dạy học của Quỳnh Châu ở Đại học Cộng đồng Bismarck. Trong bữa ăn, tôi dần lòng không đề cập tới chuyện đau lòng của mình, nhưng rồi chồng bà Jane cũng gợi ra,

“Anh đã đọc bài báo trên *Bismarck Tribune* hôm nay chưa?”

“Tôi đọc sáng nay rồi,” tôi trả lời trong tiếng nấc, “Toàn thể thế giới nhắm mắt làm ngơ khi hàng trăm người bị hành hình công khai trên mặt biển. Từ hôm nay, tôi mất tin tưởng vào các đảng thiêng liêng như Phật hay Chúa. Các ngài không hề hiện hữu, vì nếu có, các ngài đã không để cảnh dã man đó xảy ra.”

“Tôi chân thành chia sẻ nỗi đau buồn của anh chị. Là tín đồ Cơ Đốc, chúng tôi tin khi Chúa để cho chuyện gì xảy, người đều có mục đích,” bà Jane xen vào an ủi, “Sáng nay, trong bài giảng ở nhà thờ, Mục sư Nielsen kêu gọi họ đạo gọi điện thoại hay viết thư cho dân biểu và thượng nghị sĩ của mình và yêu cầu họ buộc chính phủ Hoa Kỳ phải can thiệp và giúp đỡ để chấm dứt những đau thương của người tỵ nạn.”

* * *

Mùa thu năm sau (1979), tôi bay xuống Houston thuộc tiểu bang Texas dự hội nghị về hệ thống điện và ở lại cuối tuần thăm thẳng Lục là bạn học cùng lớp ở Ban Mê Thuột. Nó mời bạn bè quanh vùng đến ăn nhậu và gặp tôi. Tôi hơi sửng sốt khi thấy Xuân Hiền xuất hiện, nàng đến một mình. Nụ cười khả ái của nàng nhắc lại quãng đời trung học vụng dại của tôi ở xứ *Buôn Mê Thuột*.

Ngày đó, tôi học đệ nhất (lớp 12) và có điểm phức được Hoàng Nga, cô nữ sinh đệ tam (lớp 10) ăn nói nhỏ nhẹ dịu dàng, đem lòng yêu thương. Mối tình đầu của tôi không được cha chấp nhận vì cha nàng là một hạ sĩ quan cấp bậc thấp. Cha dọa sẽ kiếm cách trừng phạt ông, nếu tôi không cắt đứt liên hệ với nàng. Chưa biết làm cách nào để bày tỏ với nàng thì tình cờ tôi biết được Xuân Huyền, con đầu lòng một sĩ quan cao cấp bạn cha, đã được bác ấy hứa gả cho anh Thân là sĩ quan tùy viên của bác, nhưng nàng chưa hay. Tôi bèn rủ nàng đi chơi để Hoàng Nga trông thấy và giận không thèm nhìn mặt tôi. Do dịp này, tôi quen thân với cô em Xuân Huyền là Xuân Hiền và được cô bé 13 tuổi ấy bày tỏ cảm tình thiết tha.

Năm năm sau, Xuân Hiền về Sài Gòn học khóa huấn luyện ngân hàng và tìm gặp tôi; khi đó tôi *đi bụi đời* ở lậu trong Đại học xá Minh Mạng. Trong tám tuần lễ, tối nào hai đứa cũng đi ăn quán cơm bình dân gần đại học xá với nhau và chuyện trò đến khuya. Nhưng chúng tôi có duyên mà không nợ; mãn khóa học nàng về lại Ban Mê Thuột và lên xe hoa. Chồng nàng là một sĩ quan phi công trực thăng hào hoa phong nhã học sau tôi một lớp. Nhờ vậy, cuối tháng Tư 1975, anh dùng trực thăng di tản gia đình ra Đệ thất Hạm đội Hoa Kỳ ngoài khơi.

Trong bữa cơm, Xuân Hiền giành ngồi cạnh tôi, gấp thức ăn vào chén, và săn sóc tôi như thuở ăn cơm bình dân Sài Gòn. Bị bọn đàn ông chọc gheo, nàng nửa đùa nửa thực, “*Tui thương ảnh* từ 15 năm trước, chớ đâu phải đến giờ *tui* mới thương!” Tôi ngượng ngùng lái sang thăm hỏi cô bạn cũ Xuân Huyền,

“Bây giờ gia đình Huyền ra sao?”

“Năm 1975, anh Thân và chị Huyền em có hai thằng con lớn và đứa con gái út. Việt Cộng vào, *anh* trốn ở nhà không trình diện ‘học tập cải tạo’ và tìm đường *vượt biên*. Sau gần hai năm, *anh* và thằng con trai lớn lúc đó 11 tuổi đi thoát và đến trại tiếp nhận Songkhla ở Thái Lan.” Songkhla nằm trên vịnh Thái Lan và gần biên giới Mã Lai Á.

“Anh Thân là lính kiểng của bác trai mà giỏi vậy à?” tôi vốn không mấy tâm phục anh Thân.

“*Anh* liên lạc được với các sĩ quan cố vấn chịu ơn cứu mạng của ba em hồi trước, họ hết lòng can thiệp, và nhân viên tòa Đại sứ Hoa Kỳ tại Thái Lan đến Songkhla phỏng vấn và cấp chiếu khán cho cha con *anh* vào Mỹ. *Anh* may mắn thoát đi suôn sẻ, nhưng chị Huyền và hai đứa nhỏ lãnh hết mọi tai họa trên đời,” Xuân Hiền kể lại cuộc vượt thoát của chị, giọng nói thê lương.

Sau khi định cư ở Los Angeles thuộc tiểu bang California, anh Thân nhắn tin về Sài Gòn giục vợ mang con ra đi. Xuân Huyền phải đi đến bốn lần. Hai lần đầu, nàng bị kẻ tổ chức lường gạt lấy vàng nhưng không có tàu đi, *tiền mất tật mang* trắng tay trở về nhà. Lần thứ ba nàng bị công an bắt lại, và nhờ có con nhỏ và còn một ít vàng đưa hối lộ nên không bị tù. Lần thứ tư, mẹ con nàng mới lên thuyền thoát được ra biển. Giữa biển Đông, con thuyền gặp bão trôi lạc đường rồi hư máy và lên đèn vô vọng trên biển cả. Sang tuần lễ thứ ba, thuyền hết sạch bất cứ thứ gì có thể ăn được, người lớn thành xác không hồn, và trẻ em đói lú nằm yên không nhúc nhích. Hai đứa con Xuân Huyền nhiễm bệnh nặng, lên cơn sốt, và nằm mê man sắp chết.

Trong hoàn cảnh đói cùng cực, đám chỉ huy thuyền – mấy người đàn ông lực lưỡng và có võ khí – đưa ra giải pháp dùng các cô cậu bé còn đồng trinh làm thức ăn cứu cả thuyền. Những kẻ mạnh ấy bày trò bốc thăm và chọn vật hy sinh là hai đứa con Xuân Huyền, người thiếu phụ thể cô sức yếu không còn đủ sức đứng lên một mình. Hai cháu bé đang hấp hối, không biết là đời lúc nào, nhưng hơn một trăm người đói lả trên thuyền không thể chờ đợi. Hơn nữa, họ mê tín dị đoan, không muốn ăn thịt người chết mà phải giết “con thịt” còn sống. Thế là quyết định hành hình được thi hành nhanh chóng.

Nghe Xuân Hiền kể đến đây, các bạn tôi bùng lên la lớn,

“Trời ơi là Trời . . .”

“Chúng kiến hai đứa con bị đập đầu giã chết, chị Huyền phát điên lên toan nhảy xuống biển tự trầm, nhưng được mấy bà bạn đồng hành ôm giữ lại. Chị nhất định nhịn đói, dù chết chứ không ăn thịt con mình,” Xuân Hiền khóc òa và nói qua nước mắt, “Trớ trêu thay, ngay hôm sau, con thuyền được tàu thiện nguyện quốc tế cứu vớt và đưa tới trại tỵ nạn Galang.” Trại tỵ nạn này nằm trên đảo Galang thuộc quần đảo Riau của Nam Dương.

Mắt tôi nhòa lệ. Tôi khóc thành tiếng. Tay tôi tìm bàn tay Xuân Hiền, “Người mình khổ *chi* mà khổ lạ khổ lòng, khổ hết nước nói, *trời cao đất dày* có thấu chăng?”

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 17 tháng Mười Một, 2021